

Số: /KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai các giải pháp cải thiện kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Quyết định số 4161/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt và công bố kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2022 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai các giải pháp cải thiện kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai các giải pháp đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, cải thiện kết quả các chỉ số thuộc Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của tỉnh Bắc Giang trong năm 2024 và các năm tiếp theo nhằm nâng cao xếp hạng Bộ chỉ số môi trường địa phương nhằm đưa tỉnh Bắc Giang trở thành tỉnh phát triển công nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường.

- Thông qua kết quả đánh giá Bộ chỉ số, nhận biết các mặt mạnh, mặt yếu trong công tác bảo vệ môi trường, đánh giá hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, khuyến khích nỗ lực của các cơ quan quản lý nhà nước và người dân trong công tác bảo vệ môi trường.

- Đề cao vai trò chủ động của sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã, trong việc thực hiện các giải pháp cải thiện, nâng cao kết quả đánh giá bộ chỉ số môi trường thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình.

2. Yêu cầu

- Cần xác định việc thực hiện kế hoạch “Triển khai các giải pháp đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, cải thiện kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường trong những năm tiếp theo” phải được các cơ quan, ban ngành, địa phương triển khai, nhằm đưa công tác bảo vệ môi trường trở thành nhiệm vụ được lãnh đạo cơ quan, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố quan tâm thường xuyên.

- Các chỉ số phải được đánh giá đúng theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và

Môi trường, kết quả đánh giá các chỉ số môi trường phải có tài liệu kiểm chứng kèm theo.

(Gửi kèm theo tài liệu hướng dẫn tự đánh giá kết quả thực hiện các chỉ số nhóm I Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

- Triển khai các nội dung của Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường đến phòng chuyên môn của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn. Phân công cụ thể trách nhiệm của phòng, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, địa phương trong việc đánh giá kết quả chỉ số thành phần.

- Các sở, ban, ngành, địa phương theo phạm vi quản lý xây dựng kế hoạch thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ, nhằm duy trì, cải thiện, nâng cao kết quả đánh giá các chỉ số môi trường thành phần thuộc phạm vi quản lý trong Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường cấp tỉnh.

- Đưa công tác đánh giá kết quả thực hiện chỉ số môi trường thành phần thuộc Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường trở thành nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ hàng năm của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

Các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng quản lý Nhà nước được phân công triển khai các giải pháp nhằm duy trì, nâng cao các chỉ số môi trường thành phần trong Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường, cụ thể:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thực hiện giải pháp cải thiện, nâng cao và đánh giá các chỉ số môi trường thành phần như: Chỉ số 09 Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; chỉ số 13 Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh; chỉ số 14 Tỷ lệ số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo; chỉ số 22 Số trạm quan trắc tự động chất lượng môi trường không khí tại các đô thị loại IV trở lên trên 10.000 dân đô thị; chỉ số 23 Tỷ lệ các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Hàng năm thống kê, thu thập, tổng hợp các kết quả đánh giá các chỉ số môi trường thành phần của các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thực hiện giải pháp cải thiện, nâng cao và đánh giá các chỉ số môi trường

thành phần như: Chỉ số 14 Tỷ lệ số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo; chỉ số 16 Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh; chỉ số 18 Tỷ lệ diện tích đất của các khu bảo tồn thiên nhiên đã được thành lập trên tổng diện tích đất quy hoạch cho bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; chỉ số 19 Tỷ lệ diện tích rừng trồng mới tập trung trên diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp; chỉ số 20 Diện tích rừng tự nhiên bị cháy, chặt phá. So sánh từng kết quả chỉ số với với năm trước đó, đánh giá nhận định nguyên nhân tỷ lệ tăng hay giảm kết quả đánh giá từng chỉ số.

3. Sở Xây dựng

Thực hiện giải pháp cải thiện, nâng cao và đánh giá các chỉ số môi trường thành phần như: chỉ số 01 Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị loại IV trở lên được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; chỉ số 15 Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung. So sánh từng kết quả chỉ số với với năm trước đó, đánh giá nhận định nguyên nhân tỷ lệ tăng hay giảm kết quả đánh giá từng chỉ số.

4. Sở Công thương

Thực hiện giải pháp cải thiện, nâng cao và đánh giá các chỉ số môi trường thành phần như: chỉ số 04 Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chỉ số 21 Sản lượng điện sản xuất từ năng lượng tái tạo. So sánh từng kết quả chỉ số với với năm trước đó, đánh giá nhận định nguyên nhân tỷ lệ tăng hay giảm kết quả đánh giá từng chỉ số.

5. Sở Y tế

Thực hiện giải pháp cải thiện, nâng cao và đánh giá các chỉ số môi trường thành phần như: chỉ số 05 Tỷ lệ cơ sở y tế có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chỉ số 09 Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (đối với chất thải y tế nguy hại). So sánh từng kết quả chỉ số với năm trước đó, đánh giá nhận định nguyên nhân tỷ lệ tăng hay giảm kết quả đánh giá từng chỉ số.

6. Sở Giao thông vận tải

Thực hiện giải pháp cải thiện, nâng cao và đánh giá chỉ số 07 Số lượng phương tiện giao thông công cộng trên 10.000 dân đô thị và so sánh với năm trước đó, đánh giá nhận định nguyên nhân tỷ lệ tăng hay giảm kết quả đánh giá của chỉ số.

7. Sở Tài chính

Thực hiện giải pháp cải thiện, nâng cao và đánh giá chỉ số 24 Tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường và so sánh với năm trước đó, đánh giá nhận định nguyên nhân tỷ lệ tăng hay giảm kết quả đánh giá từng chỉ số.

8. Sở Nội vụ

Thực hiện giải pháp cải thiện, nâng cao và đánh giá chỉ số 25 Số lượng công

chức, cán bộ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên 1 triệu dân và so sánh với năm trước đó, đánh giá nhận định nguyên nhân tỷ lệ tăng hay giảm kết quả đánh giá từng chỉ số.

9. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh

Thực hiện giải pháp cải thiện, nâng cao và đánh giá các chỉ số môi trường thành phần như: chỉ số 02 Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh nước thải trên 50m³/ngày đêm trở lên có hệ thống xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chỉ số 03 Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. So sánh từng kết quả chỉ số với năm trước đó, đánh giá nhận định nguyên nhân tỷ lệ tăng hay giảm kết quả đánh giá từng chỉ số.

10. Cục thống kê tỉnh Bắc Giang

Cung cấp thông tin số dân khu vực đô thị, tổng số hộ gia đình nông thôn, dân số đô thị loại IV trở lên, tổng dân số tỉnh Bắc Giang năm liền kề trước thời điểm báo cáo hàng năm.

11. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Thực hiện giải pháp cải thiện, nâng cao và đánh giá các chỉ số môi trường thành phần như: chỉ số 01 Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị loại IV trở lên được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; chỉ số 02 Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh nước thải trên 50m³/ngày đêm trở lên có hệ thống xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường; chỉ số 04 Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; chỉ số 11 Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn; chỉ số 12 Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; chỉ số 13 Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh; chỉ số 14 Tỷ lệ số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo; chỉ số 20 Diện tích rừng tự nhiên bị cháy, chặt phá; chỉ số 26 Tỷ lệ xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường thông qua đường dây nóng.

Kết quả đánh giá các kết quả từng chỉ số và so sánh với năm trước đó, nhận định nguyên nhân tăng hay giảm kết quả đánh giá từng chỉ số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể phù hợp với tình hình thực tiễn của mình, **thời gian xong trong tháng 3/2024.**

Định kỳ (trước ngày 20/02 hàng năm) báo cáo kết quả thực hiện chỉ số môi trường thành phần trong Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm trước đó và kèm theo các tài liệu kiểm chứng kết quả đánh giá, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan đơn vị gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang;
- Các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Bắc Giang, Đài PTTH tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN, TTTT, TKCT;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích